

Bộ, tỉnh: Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Mẫu số 04b-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai

Mã đơn vị: 1052433

Loại hình đơn vị: Hành chính

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ NĂM 2025

DVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m²; Nguyên giá/Giá trị còn lại là: Nghìn đồng

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	16		96.784.088	82.000.652					
1.1	Đất	2	6.061,6	64.670.510	64.670.510	6.061,6				
1.1.1	Văn phòng	2	6.061,6	64.670.510	64.670.510	6.061,6				
	Đất trụ sở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai - Cơ sở 2 (Số 412 đường Huỳnh Văn Nghệ)	1	1.864,4	40.326.750	40.326.750	1.864,4				
	Đất trụ sở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (Số 1/6K đường Nguyễn Ái Quốc)	1	4.197,2	24.343.760	24.343.760	4.197,2				
1.2	Nhà	9	4.165,0	30.176.742	17.265.093	4.165,0				
1.2.1	Văn phòng	9	4.165,0	30.176.742	17.265.093	4.165,0				
	Nhà làm việc trụ sở chính	1	1.930	15.733.423	10.384.059	1.930				
	Nhà lưu trú công vụ trụ sở chính	1	518	3.290.075	1.052.824	518				
	Nhà lưu trữ trụ sở chính	1	249	3.008.353	1.203.341	249				
	Nhà làm việc phường đội (Cơ sở 2)	1	544	1.508.858	905.315	544				
	Nhà làm việc (Cơ sở 2)	1	508	5.247.876	3.704.573	508				
	Nhà làm việc 2 (Cơ sở 2)	1	60	38.803		60				
	Nhà Hội trường (Cơ sở 2)	1	317	1.041.481		317				
	Nhà bảo vệ trụ sở chính	1	12	97.873		12				
	Nhà tiếp dân trụ sở chính	1	27	210.000	14.980	27				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1.3	Vật kiến trúc, công trình xây dựng khác	5	0	1.936.836	65.049	5				
1.3.1	Văn phòng	5		1.936.836	65.049	5				
	Sân đường, bồn hoa, cây xanh Trụ sở chính	1		433.661	65.049	1				
	Bãi đỗ xe trụ sở chính	1		144.817		1				
	Bãi đỗ xe mái vòm trụ sở chính	1		87.342		1				
	Bể chứa nước và hệ thống PCCC trụ sở chính	1		437.231		1				
	Tường rào, cổng trụ sở chính	1		833.785		1				
2	Xe ô tô	6		5.635.256	986.382	6				
2.2	Xe ô tô phục vụ công tác chung	6		5.635.256	986.382	6				
2.2.1	Văn phòng	6		5.635.256	986.382	6				
	Xe ô tô Toyota Innova-G BS 93A-4455	1		733.700		1				
	Xe ô tô Toyota Innova-G-BS 60C-9595	1		738.450		1				
	Xe ô tô Ford Everest - BS 60A-002.18	1		901.350	59.790	1				
	Xe ô tô Toyota Fortuner - BS 60A-004.04	1		1.233.540	410.810	1				
	Xe ô tô Toyota Fortuner BS 93A-002.17	1		1.230.548	409.772	1				
	Xe ô tô 16 chỗ Ford Transist BS 93A-00089	1		797.669	106.010	1				
3.	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)	5		89.653	0	5				
3.1	Văn phòng	5		89.653	0	5				
	Xe máy Honda Wave S - BS 60B1-000.83	1		19.977		1				
	Xe máy Yamaha Sirius - BS 60B1-0556	1		16.100		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Xe máy Honda Wave S - BS 60B1-000.91	1		19.977		1				
	Xe máy Yamaha Sirius - BS 60B7-5050	1		17.200		1				
	Xe máy Yamaha Sirius - BS 60B8-0032	1		16.400		1				
4	Máy móc, thiết bị	447		12.714.134	3.608.413	447				
4.1	Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh	204		2.854.510	859.278	204				
4.1.1	Văn phòng	204		2.854.510	859.278	204				
	Bàn làm việc cỡ xe gỗ 0,7m x 1,4m -2008	1		12.500		1				
	Bàn làm việc cỡ xe gỗ 0,7m x 1,4m -2008	1		12.500		1				
	Bàn làm việc cỡ xe gỗ 0,7m x 1,4m -2008	1		12.500		1				
	Bàn làm việc cỡ xe gỗ 0,7m x 1,4m -2008	1		12.500		1				
	Bàn làm việc cỡ xe gỗ 0,7m x 1,4m -2008	1		12.500		1				
	Bàn làm việc cỡ xe gỗ 0,7m x 1,4m -2008	1		12.500		1				
	Bàn làm việc cỡ xe gỗ 0,7m x 1,4m -2008	1		12.500		1				
	Bàn làm việc cỡ xe gỗ 0,7m x 1,4m -2008	1		12.500		1				
	Bàn làm việc cỡ xe gỗ 0,7m x 1,4m -2008	1		12.500		1				
	Bàn làm việc cỡ xe gỗ 0,7m x 1,4m -2008	1		12.500		1				
	Bàn làm việc cỡ xe gỗ 0,7m x 1,4m -2008	1		12.500		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Bàn làm việc cầm xe gỗ 0,7m x 1,4m -2008	1		12.500		1				
	Bàn làm việc cầm xe gỗ 0,7m x 1,4m -2008	1		12.500		1				
	Bàn làm việc cầm xe gỗ 0,7m x 1,4m -2008	1		12.500		1				
	Bàn làm việc cầm xe gỗ 0,7m x 1,4m -2008	1		12.500		1				
	Bộ bàn ghế (1 bàn + 6 ghế)-2009	1		14.355		1				
	Bàn ghế làm việc lãnh đạo-2009	1		14.190		1				
	Bàn ghế làm việc lãnh đạo-2009	1		14.190		1				
	Bàn ghế làm việc lãnh đạo-2009	1		14.190		1				
	Bộ Bàn ghế làm việc lãnh đạo-2009	1		14.190		1				
	Bộ bàn ghế (1 bàn + 6 ghế)-2009	1		14.355		1				
	Bộ bàn ghế (1 bàn + 6 ghế)-2009	1		14.355		1				
	Bộ bàn ghế (1 bàn + 6 ghế)-2009	1		14.355		1				
	Bàn làm việc gỗ gõ đỏ (BP)	1		11.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gõ đỏ (BP)	1		11.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gõ đỏ (BP)	1		11.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gõ đỏ (BP)	1		11.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gõ đỏ (BP)	1		11.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gõ đỏ (BP)	1		18.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gõ đỏ (BP)	1		16.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gõ đỏ (BP)	1		11.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gõ đỏ (BP)	1		11.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gõ đỏ (BP)	1		16.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gõ đỏ (BP)	1		11.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gõ đỏ (BP)	1		11.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gõ đỏ (BP)	1		11.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gõ đỏ (BP)	1		11.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gõ đỏ (BP)	1		11.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gõ đỏ (BP)	1		11.000		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7050 Microform Factor CTO - Malaysia	1		14.055		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Vos 3268 SF i3-7100/4GB/1TB/DVDRW_STI31506 (P)	1		12.666		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Vos 3268 SF i3-7100/4GB/1TB/DVDRW_STI31506 (P)	1		12.666		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7050 Microform Factor CTO - Malaysia	1		14.055		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7050 Microform Factor CTO - Malaysia	1		14.055		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7050 Microform Factor CTO - Malaysia	1		14.055		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7050 Microform Factor CTO - Malaysia	1		14.055		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7050 Microform Factor CTO - Malaysia	1		14.055		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7050 Microform Factor CTO - Malaysia	1		14.055		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7050 Microform Factor CTO - Malaysia	1		14.055		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7050 Microform Factor CTO - Malaysia	1		14.055		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7050 Microform Factor CTO - Malaysia	1		14.055		1				
	Máy vi tính để bàn lắp ráp (BP)	1		14.950		1				
	Máy vi tính để bàn HP (BP)	1		14.950		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn D7 SFF Asus (BP)	1		14.982		1				
	Máy vi tính để bàn HP (BP)	1		14.982		1				
	Máy tính xách tay DELL Vostro 3591	1		14.934		1				
	Máy tính xách tay DELL Vostro 3591	1		14.934		1				
	Máy vi tính để bàn lắp ráp (BP)	1		14.950		1				
	Máy vi tính để bàn lắp ráp (BP)	1		14.950		1				
	Máy vi tính để bàn case SAMA 2021	1		15.264		1				
	Máy vi tính để bàn case SAMA 2021	1		15.264		1				
	Máy vi tính để bàn case SAMA 2021	1		15.264		1				
	Máy vi tính để bàn case SAMA 2021	1		15.264		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính để bàn case SAMA 2021	1		15.264		1				
	Máy vi tính để bàn case SAMA 2021	1		15.264		1				
	Máy vi tính để bàn case SAMA 2021	1		15.264		1				
	Máy vi tính để bàn case SAMA 2021	1		15.264		1				
	Máy vi tính để bàn case SAMA 2021	1		15.264		1				
	Máy vi tính xách tay HP (BP)	1		19.910		1				
	Máy vi tính để bàn ASUS D700SC-2022	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS D700SC-2022	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS D700SC-2022	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS D700SC-2022	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS D700SC-2022	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS D700SC-2022	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính xách tay HP (BP)	1		14.950	2.990	1				
	Máy vi tính xách tay HP (BP)	1		14.950	2.990	1				
	Máy vi tính xách tay HP (BP)	1		14.950	2.990	1				
	Máy vi tính xách tay HP (BP)	1		14.950	2.990	1				
	Máy vi tính xách tay HP (BP)	1		14.950	2.990	1				
	Máy vi tính xách tay HP (BP)	1		14.950	2.990	1				
	Máy vi tính để bàn lắp ráp (BP)	1		14.950	2.990	1				
	Máy vi tính để bàn lắp ráp (BP)	1		14.950	2.990	1				
	Máy vi tính để bàn lắp ráp (BP)	1		15.000	3.000	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính để bàn ASUS Model: ExpertCenter D700SD -2023	1		15.136	6.054	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS Model: ExpertCenter D700SD -2023	1		15.136	6.054	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS Model: ExpertCenter D700SD -2023	1		15.136	6.054	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS Model: ExpertCenter D700SD -2023	1		15.136	6.054	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS Model: ExpertCenter D700SD -2023	1		15.136	6.054	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS Model: ExpertCenter D700SD -2023	1		15.136	6.054	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS Model: ExpertCenter D700SD -2023	1		15.136	6.054	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS Model: ExpertCenter D700SD -2023	1		15.136	6.054	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS Model: ExpertCenter D700SD -2023	1		15.136	6.054	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS Model: ExpertCenter D700SD -2023	1		15.136	6.054	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		13.155	7.893	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		13.155	7.893	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		12.700	7.620	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		12.700	7.620	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		13.155	7.893	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		13.155	7.893	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		12.700	7.620	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		13.155	7.893	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		13.155	7.893	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		13.155	7.893	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		13.155	7.893	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		12.700	7.620	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		13.155	7.893	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		12.700	7.620	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		12.700	7.620	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		12.700	7.620	1				
	Máy vi tính để bàn lắp ráp (BP)	1		14.410	8.646	1				
	Máy vi tính để bàn lắp ráp (BP)	1		14.410	8.646	1				
	Máy tính để bàn Asus Expert Center S503MER-314100013W -2025 (QLAHS)	1		14.290	11.432	1				
	Máy tính để bàn Asus Expert Center S503MER-314100013W -2025 (QLAHS)	1		14.290	11.432	1				
	Máy tính để bàn Asus Expert Center S503MER-314100013W -2025 (QLAHS)	1		14.290	11.432	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính để bàn SingPC i3143.5S6805S0-W+SGP215VAS	1		10.230	8.184	1				
	Máy vi tính để bàn SingPC i3143.5S6805S0-W+SGP215VAS	1		10.230	8.184	1				
	Máy vi tính để bàn SingPC i3143.5S6805S0-W+SGP215VAS	1		10.230	8.184	1				
	Máy vi tính để bàn SingPC i3143.5S6805S0-W+SGP215VAS	1		10.230	8.184	1				
	Máy vi tính để bàn SingPC i3143.5S6805S0-W+SGP215VAS	1		10.230	8.184	1				
	Máy vi tính để bàn SingPC i3143.5S6805S0-W+SGP215VAS	1		10.230	8.184	1				
	Máy vi tính xách tay Notebook SingPC Series M16 - M16i51385-W	1		13.706	10.965	1				
	Máy vi tính xách tay Notebook SingPC Series M16 - M16i51385-W	1		13.706	10.965	1				
	Máy vi tính xách tay Notebook SingPC Series M16 - M16i51385-W	1		13.706	10.965	1				
	Máy vi tính xách tay Notebook SingPC Series M16 - M16i51385-W	1		13.706	10.965	1				
	Máy vi tính xách tay Notebook SingPC Series M16 - M16i51385-W	1		13.706	10.965	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính xách tay Notebook SingPC Series M16 - M16i51385-W	1		13.706	10.965	1				
	Máy vi tính xách tay Notebook SingPC Series M16 - M16i51385-W	1		13.706	10.965	1				
	Máy vi tính xách tay Notebook SingPC Series M16 - M16i51385-W	1		13.706	10.965	1				
	Máy vi tính xách tay Notebook SingPC Series M16 - M16i51385-W	1		13.706	10.965	1				
	Máy tính để bàn Asus Expert Center S503MER-314100013W -2025 (QLAHS)	1		14.290	11.432	1				
	Máy vi tính xách tay Asus Vivobook (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy tính để bàn Asus Expert Center S503MER-314100013W -2025 (QLAHS)	1		14.290	11.432	1				
	Máy vi tính xách tay Asus Vivobook (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy tính để bàn Asus Expert Center S503MER-314100013W -2025 (QLAHS)	1		14.290	11.432	1				
	Máy vi tính xách tay Asus Vivobook (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy tính để bàn Asus Expert Center S503MER-314100013W -2025 (QLAHS)	1		14.290	11.432	1				
	Máy tính để bàn Asus Expert Center S503MER-314100013W -2025 (QLAHS)	1		14.290	11.432	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính xách tay Asus Vivobook (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy tính để bàn Asus Expert Center S503MER-314100013W -2025 (QLAHS)	1		14.290	11.432	1				
	Máy vi tính xách tay Asus Vivobook (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy tính để bàn Asus Expert Center S503MER-314100013W -2025 (QLAHS)	1		14.290	11.432	1				
	Máy vi tính xách tay Asus Vivobook (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy tính để bàn Asus Expert Center S503MER-314100013W -2025 (QLAHS)	1		14.290	11.432	1				
	Máy vi tính xách tay Asus Vivobook (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy tính để bàn Asus Expert Center S503MER-314100013W -2025 (QLAHS)	1		14.290	11.432	1				
	Máy vi tính xách tay Asus Vivobook (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
4.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung	156		4.759.554	960.331	156				
4.2.1	Văn phòng	156		4.759.554	960.331	156				
	Kệ sắt 24 hộc - 2004	1		34.200		1				
	Bàn ghế gỗ salon(gốc cây)-2008	1		20.000		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Bộ bàn oval (1 bàn + 10 ghế)-2008	1		74.200		1				
	Máy bơm nước, bể chứa trụ sở chính	1		143.711		1				
	Bàn ghế phòng chờ làm việc-2009	1		44.550		1				
	Hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà trụ sở chính	1		106.201		1				
	Tủ gỗ 4 ngăn lớn -2009	1		16.995		1				
	Bàn ghế phòng tiếp dân-2009	1		44.550		1				
	Tủ gỗ 4 ngăn lớn -2009	1		16.995		1				
	Tủ gỗ 4 ngăn lớn -2009	1		23.430		1				
	Bộ bàn ghế oval (16 ghế)-2009	1		49.500		1				
	Tivi Panasonic	1		22.900		1				
	Loa thùng	1		23.456		1				
	Bàn oval gỗ mới (1 bàn + 30 ghế)-2009	1		74.030		1				
	Tủ gỗ 4 ngăn lớn -2009	1		16.995		1				
	Bàn họp cơ quan oval (BPP	1		109.300		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		10.000		1				
	Máy phát điện	1		365.945		1				
	Tivi Panasonic-2013	1		18.590		1				
	Máy lạnh Panasonic	1		13.620		1				
	Máy Photocopy Sharp	1		50.744		1				
	Bộ salon tiếp khách (1 bàn, 4 ghế, 3 đôn) (BP)	1		55.000		1				
	Bộ salon tiếp khách (1 bàn, 4 ghế, 3 đôn) (BP)	1		55.000		1				
	Bộ salon tiếp khách (1 bàn, 12 ghế, 4 đôn) (BP)	1		98.650		1				
	Bàn họp phòng nghiệp vụ (BP)	1		10.000		1				
	Máy chiếu Panasonic LX271-EA	1		38.939		1				
	Bàn Mixer gỗ cầm xe (BP)	1		10.500		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Bộ salon tiếp khách (1 bàn, 4 ghế, 3 đôn) (BP)	1		55.000		1				
	Bức phát biểu (BP)	1		11.000		1				
	Bức phát biểu (BP)	1		11.000		1				
	Bức đề tượng Bác (BP)	1		11.000		1				
	Bức đề tượng Bác (BP)	1		11.000		1				
	Máy lạnh 2016	1		17.000		1				
	Máy lạnh 2016	1		17.000		1				
	Máy quay Video -2015	1		19.838		1				
	Máy quay Video -2015	1		19.838		1				
	Thiết bị HP Swich, Ruoter Dratek	1		44.330		1				
	Máy lạnh Toshiba 2 ngựa - 2015	1		17.000		1				
	Máy lạnh Toshiba 2 ngựa - 2015	1		17.000		1				
	Âm ly + 4 Loa (bộ) -2015	1		29.437		1				
	Âm ly + 4 Loa (bộ) -2015	1		29.437		1				
	Bàn họp phòng nghiệp vụ (BP)	1		16.900		1				
	Máy lạnh Funiki 5 HP (BP)	1		55.000		1				
	Máy lạnh 2016	1		17.000		1				
	Máy lạnh Toshiba 2016	1		17.000		1				
	Máy lạnh Toshiba 2016	1		17.000		1				
	Bộ Loa, amply, Micro - 2016	1		10.110		1				
	Bàn họp phòng nghiệp vụ (BP)	1		18.000		1				
	Bàn họp phòng nghiệp vụ (BP)	1		16.000		1				
	Bàn họp phòng nghiệp vụ (BP)	1		16.000		1				
	Tủ hồ sơ gỗ căm xe (BP)	1		21.000		1				
	Máy lạnh Toshiba 2HP (2017)	1		17.000		1				
	Tivi SONY KDL-40R350E + Đầu đọc đĩa DVP-SR760 -Asia	1		14.474		1				
	Máy lạnh Toshiba 2.HP (2017)	1		17.000		1				
	Bàn họp phòng nghiệp vụ (BP)	1		10.000		1				
	Camera HDR-PJ675E - TQ	1		19.974		1				
	Tivi SONY KDL-40R350E + Đầu đọc đĩa DVP-SR760 -Asia	1		14.474		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Bàn họp phòng nghiệp vụ (BP)	1		16.000		1				
	Máy lạnh Daikin 2,0 HP (BP)	1		12.000		1				
	Máy lạnh Daikin 2,0 HP (BP)	1		12.000		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		19.500		1				
	Tủ trưng bày (BP)	1		10.000		1				
	Tủ trưng bày (BP)	1		10.000		1				
	Bộ bàn phòng họp cơ quan ghế nệm HP(01 bàn, 10 ghế) (BP)	1		28.420		1				
	Máy lạnh Toshiba 2018	1		17.500		1				
	Máy lạnh Toshiba 2018	1		17.500		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		17.000		1				
	Máy lạnh Toshiba 2018	1		17.500		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		17.000		1				
	Máy lạnh Toshiba 2018	1		17.500		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		17.000		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		17.000		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		17.000		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		17.000		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		17.000		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		17.000		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		17.000		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		17.000		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		17.000		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		17.000		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		17.000		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		17.000		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		17.000		1				
	Máy lạnh Toshiba H13U2KSG-1.5HP	1		12.000	1.500	1				
	Máy lạnh Toshiba H13U2KSG-1.5HP	1		12.000	1.500	1				
	Máy lạnh Toshiba H13U2KSG-1.5HP	1		12.000	1.500	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy lạnh Toshiba H13U2KSG-1.5HP	1		12.000	1.500	1				
	Máy scan Brother ADS-2200	1		10.011		1				
	Máy scan Brother ADS-2200	1		10.011		1				
	Máy scan Brother ADS-2200	1		10.011		1				
	Tivi Sony 4k 49 inch KD-49X7500FVN3	1		17.581		1				
	Tivi LCD Sony (BP)	1		14.100		1				
	Tivi LCD Sony (BP)	1		11.300		1				
	Tivi LCD Sony (BP)	1		11.300		1				
	Micrô cổ ngỗng (BP)	1		10.450		1				
	Máy scan HP 3000s4 (BP)	1		10.500		1				
	Bộ loa, âm ly Califolia CL-899K (BP)	1		29.810		1				
	Tivi LCD Sony (BP)	1		16.900		1				
	MÁY LẠNH TOSHIBA 1.5 HP RAS-H13U2KSG-V	1		12.167	3.042	1				
	MÁY LẠNH TOSHIBA 2 HP RAS-H18U2KSG-V	1		16.167	4.042	1				
	MÁY LẠNH TOSHIBA 1 HP RAS-H10U2KSG-V	1		10.167	2.542	1				
	MÁY LẠNH TOSHIBA 1 HP RAS-H10U2KSG-V	1		10.167	2.542	1				
	MÁY LẠNH TOSHIBA 1.5 HP RAS-H13U2KSG-V	1		12.167	3.042	1				
	Máy chiếu View Sonic PA503X (BP)	1		22.890		1				
	Máy lạnh Toshiba 1.5HP RAS-H13E2KCVG-V	1		16.264	6.099	1				
	Máy lạnh Toshiba 1.5HP RAS-H13E2KCVG-V	1		16.264	6.099	1				
	Máy lạnh Toshiba 1.5HP RAS-H13E2KCVG-V	1		16.264	6.099	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy lạnh Toshiba 1.5HP RAS-H13E2KCVG-V	1		16.264	6.099	1				
	Máy lạnh Toshiba 1.5HP RAS-H13E2KCVG-V	1		16.264	6.099	1				
	Máy lạnh Mitsubishi Electric Inverter 1.5 HP MSY-JP35VF_VN1-2022	1		16.664	8.332	1				
	Thiết bị chuyển mạch-2022	1		188.925	37.785	1				
	Máy lạnh Mitsubishi Electric Inverter 1.5 HP MSY-JP35VF_VN1-2022	1		16.664	8.332	1				
	Thiết bị chuyển mạch-2022	1		13.750	2.750	1				
	Máy lạnh Mitsubishi Electric Inverter 1.5 HP MSY-JP35VF_VN1-2022	1		16.664	8.332	1				
	Thiết bị lưu trữ dữ liệu QNAPTS-h1277XU-RP-3700-32G 12 bay qts hero nas; 6 × HDD western-2022	1		273.966	54.793	1				
	Máy lạnh Mitsubishi Electric Inverter 1.5 HP MSY-JP35VF_VN1-2022	1		16.664	8.332	1				
	Máy lạnh Mitsubishi Electric Inverter 1.5 HP MSY-JP35VF_VN1-2022	1		15.854	7.927	1				
	Máy lạnh Mitsubishi Electric Inverter 1.5 HP MSY-JP35VF_VN1-2022	1		16.664	8.332	1				
	Máy lạnh Mitsubishi Electric Inverter 1.5 HP MSY-JP35VF_VN1-2022	1		15.854	7.927	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy lạnh Mitsubishi Electric Inverter 1.5 HP MSY-JP35VF_VN1-2022	1		15.854	7.927	1				
	Thiết bị chuyển mạch HPE Aruba IOn 1930 24G4SFP+ Switch_JL682A/Mô đun quang HPE Aruba 1000BASE-SX SFP 850nm 550m Transceiver_J4858D-2022	1		13.255	2.651	1				
	VRV42-8110 : Tủ chứa máy chủ dòng V, 42U, 800mm x 1100mm, màu đen/VRP124-MCB32 :Thanh phân phối nguồn điện, 24 ổ cắm Universal, 32A, 250V, MCB/4xVRMH01-1F : Thanh quản lý cấp ngang, 1U, dạng răng lược, màu đen-2022	1		33.050	6.610	1				
	Máy lạnh Mitsubishi Electric Inverter 1.5 HP MSY-JP35VF_VN1-2022	1		15.854	7.927	1				
	Thiết bị chuyển mạch HPE Aruba IOn 1930 24G4SFP+ Switch_JL682A-2022	1		11.165	2.233	1				
	Máy lạnh Mitsubishi Electric Inverter 1.5 HP MSY-JP35VF_VN1-2022	1		16.664	8.332	1				
	Thiết bị chuyển mạch HPE Aruba IOn 1930 48G-2022	1		23.914	4.783	1				
	Thiết bị chuyển mạch-2022	1		13.750	2.750	1				
	Thiết bị chuyển mạch-2022	1		13.750	2.750	1				
	Thiết bị chuyển mạch-2022	1		13.750	2.750	1				
	Máy bơm chữa cháy động cơ diesel-2022	1		195.950	97.975	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Thiết bị chuyển mạch-2022	1		13.750	2.750	1				
	Thiết bị chuyển mạch-2022	1		13.750	2.750	1				
	Máy lạnh Toshiba RAS-H18C4ACVG-V -2023	1		17.941	11.213	1				
	Máy lạnh Toshiba RAS-H18C4ACVG-V -2023	1		17.941	11.213	1				
	Máy lạnh Toshiba RAS-H18C4ACVG-V -2023	1		17.941	11.213	1				
	Máy lạnh Toshiba RAS-H18C4ACVG-V -2023	1		17.941	11.213	1				
	Máy lạnh Toshiba RAS-H18C4ACVG-V -2023	1		17.941	11.213	1				
	Máy lạnh Toshiba RAS-H18C4ACVG-V -2023	1		17.941	11.213	1				
	Máy lạnh Toshiba 2HP	1		19.878	14.909	1				
	Máy lạnh Toshiba 2HP	1		19.878	14.909	1				
	Máy photocopy Canon iR-ADV DX 6855i -2024	1		92.860	55.716	1				
	Máy lạnh Toshiba Inverter 1.5 Hp RAS-H13S4KCV2G-V -2024	1		12.150	9.113	1				
	Máy lạnh Toshiba Inverter 1.5 Hp RAS-H13S4KCV2G-V -2024	1		12.150	9.113	1				
	Máy lạnh Toshiba Inverter 1.5 Hp RAS-H13S4KCV2G-V -2024	1		12.150	9.113	1				
	Máy lạnh Toshiba Inverter 1.5 Hp RAS-H13S4KCV2G-V -2024	1		12.150	9.113	1				
	Máy lạnh Toshiba Inverter 1.5 Hp RAS-H13S4KCV2G-V -2024	1		12.150	9.113	1				
	Hệ thống camera giám sát 2024	1		42.121	25.273	1				
	Hệ thống xét xử trực tuyến (BP)	1		85.810	51.486	1				
	Máy lọc nước Karofi BCN KAB-L80 (BP)	1		14.154	8.492	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Màn hình led hội trường KT: 2x3,5m	1		195.939	171.447	1				
	Máy lạnh Toshiba Inverter 2HP RAS-H18S5KCV2G-V	1		17.300	15.138	1				
	Máy lạnh Toshiba Inverter 1.5 Hp RAS-H13S5KCV2G-V	1		14.500	12.688	1				
	Máy lạnh Toshiba Inverter 1.5 Hp RAS-H13S5KCV2G-V	1		14.500	12.688	1				
	Máy lạnh Toshiba Inverter 1.5 Hp RAS-H13S5KCV2G-V	1		13.628	11.925	1				
	Quầy văn thư (4 ghế cao)	1		50.000	40.000	1				
	Bảng LED P10 full Outdoor KT: 1m x 6,1m	1		66.501	58.188	1				
4.3	<i>Máy móc, thiết bị chuyên dùng</i>	87		5.100.070	1.788.804	87				
4.3.1	Văn phòng	87		5.100.070	1.788.804	87				
	Tủ hồ sơ lưu trữ (đề án)-2014	1		53.400		1				
	Tủ hồ sơ lưu trữ (đề án)-2014	1		53.400		1				
	Tủ hồ sơ lưu trữ (đề án)-2014	1		53.400		1				
	Tủ hồ sơ tay đẩy Hòa phát đề án - 2014 (BP)	1		53.400		1				
	Tủ hồ sơ tay đẩy Hòa phát đề án - 2014 (BP)	1		53.400		1				
	Tủ hồ sơ tay đẩy Hòa phát đề án - 2014 (BP)	1		53.400		1				
	Máy tính xách tay Dell Latitude 5480, CTO - Malaysia	1		29.645		1				
	Máy tính xách tay Dell Latitude 5480, CTO - Malaysia	1		29.645		1				
	Máy tính xách tay Dell Latitude 5480, CTO - Malaysia	1		29.645		1				
	Máy tính xách tay Dell Latitude 5480, CTO - Malaysia	1		29.645		1				
	Tủ hồ sơ lưu trữ	1		55.124		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy tính xách tay Dell Latitude 5480, CTO - Malaysia	1		29.645		1				
	Máy tính xách tay Dell Latitude 5480, CTO - Malaysia	1		29.645		1				
	Máy tính xách tay Dell Latitude 5480, CTO - Malaysia	1		29.645		1				
	Máy tính xách tay Dell Latitude 5480, CTO - Malaysia	1		29.645		1				
	Thiết bị ghi hình Logitech Conference PTZ Pro 2	1		18.383		1				
	Máy scan A3 Fujitsu FI-7480 (BP)	1		88.000	17.600	1				
	Máy photocopy siêu tốc Canon IR-ADVDX6780i (BP)	1		250.000	50.000	1				
	Thiết bị số hóa Kodak S3060-2022	1		214.328	42.866	1				
	Thiết bị tường lửa Sophos:Sophos XGS 2300 Security Appliance - EU/UK power cord-2022	1		91.190	18.238	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5411 (BP)	1		34.850	6.970	1				
	Máy chiếu đa năng NEC NP-ME423WG-2022	1		32.054	6.411	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5411 (BP)	1		34.850	6.970	1				
	Máy Chủ HPE DL360 Gen10 8SFF NC CTO: Intel Xeon-S 4210R FIO Kit,2x32GB Ram,2x960GB SSD, Smart Storage Battery, HPE Smart Array P408i-a SR,HPE 1Gb 4-port 366FLR Ada-2022	1		199.892	39.978	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5411 (BP)	1		34.850	6.970	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5411 (BP)	1		34.850	6.970	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu PC Lifebook E5411-2022	1		35.049	7.010	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5411 (BP)	1		34.850	6.970	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu PC Lifebook E5411-2022	1		35.049	7.010	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5411 (BP)	1		34.850	6.970	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu PC Lifebook E5411-2022	1		35.049	7.010	1				
	Máy photocopy Canon iRADV-ADV DX 6780i -2022	1		250.677	68.936	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu PC Lifebook E5411-2022	1		35.049	7.010	1				
	Máy quay GoPro Hero 10 Black-2022	1		17.054	5.969	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu PC Lifebook E5411-2022	1		35.049	7.010	1				
	Máy Scan quét tài liệu A3 Fujitsu fi-7480 -2022	1		89.307	17.861	1				
	Máy Scan quét tài liệu A3 Fujitsu fi-7480 -2022	1		89.307	17.861	1				
	Máy Scan quét tài liệu A3 Fujitsu fi-7480 -2022	1		89.307	17.861	1				
	Máy scan A3 Fujitsu FI-7480 (BP)	1		88.000	17.600	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5412 (BP)	1		34.430	13.772	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5412 (BP)	1		34.430	13.772	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5412 (BP)	1		34.430	13.772	1				
	Máy photocopy siêu tốc Ricoh IM8000 (BP)	1		246.400	98.560	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5412 (BP)	1		34.430	13.772	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy Chủ HPE ProLiant ML30 Gen 10 Plus 4LFF Non Hot Plug -2023	1		97.603	39.041	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy in màu (chuyên dùng) Fujifilm ApeosPort C3830SD -2023	1		27.500	11.000	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy photocopy Canon iR-ADV DX 8905 -2023	1		253.762	101.505	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5412 (BP)	1		34.430	13.772	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5412 (BP)	1		34.430	13.772	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5412 (BP)	1		34.430	13.772	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5412 (BP)	1		34.430	13.772	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5412 (BP)	1		34.430	13.772	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5412 (BP)	1		34.430	13.772	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5412 (BP)	1		34.430	13.772	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Thiết bị ghi âm, ghi hình, hỏi cung bị can (BP)	1		83.732	50.239	1				
	Máy tính xách tay Dell Latitude 3440 -2024	1		29.920	17.952	1				
	Máy tính xách tay Dell G15 5530 - 2025	1		34.990	27.992	1				
	Máy photocopy Canon iR-ADV DX 8986 -2025	1		249.912	199.930	1				
	Máy photocopy Canon iR-ADV DX 8986 -2025	1		249.912	199.930	1				
	Máy in đa năng Canon iR1643i II - 2025	1		29.970	23.976	1				
	Máy in đa năng Canon iR1643i II - 2025	1		29.970	23.976	1				
	Máy in đa năng Canon iR1643i II - 2025	1		29.970	23.976	1				
	Máy in đa năng Canon iR1643i II - 2025	1		29.970	23.976	1				
	Máy in đa năng Canon iR1643i II - 2025	1		29.970	23.976	1				
	Máy in đa năng Canon iR1643i II - 2025	1		29.970	23.976	1				
	Máy in đa năng Canon iR1643i II - 2025	1		29.970	23.976	1				
	Máy in đa năng Canon iR1643i II - 2025	1		29.970	23.976	1				
	Máy in đa năng Canon iR1643i II - 2025	1		29.970	23.976	1				
	Máy in đa năng Canon iR1643i II - 2025	1		29.970	23.976	1				
7	Tài sản cố định hữu hình khác	2		77.300	0	2				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
7.1	Văn phòng	2		77.300	0	2				
	Phù hiệu treo hội trường 2016	1		19.600		1				
	Phù hiệu treo trụ sở 2016	1		57.700		1				
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)	5		1.995.423	10.120	5				
8.1	Văn phòng	5		1.995.423	10.120	5				
	Nâng cấp phần mềm kế toán MISA Mimosa	1		10.500		1				
	Nâng cấp phần mềm kế toán MISA Mimosa.NET X1	1		20.000		1				
	Phần mềm Microsoft Windows Server 2022 (Standard + 1 User) - 2022	1		27.640		1				
	Phần mềm sổ thụ lý điện tử án hình sự-2022	1		1.917.043		1				
	Phần mềm ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh MVRs-0202 -2024	1		20.240	10.120	1				
	Tổng số	481		117.295.854	86.605.567					

NGƯỜI LẬP BIỂU



LƯU PHAN THẮNG

Đồng Nai, ngày 31 tháng 12 năm 2025^{ph}

VIỆN TRƯỞNG



NGUYỄN QUỐC HÂN

- Ghi chú:
- Mã đơn vị là Mã đơn vị đăng ký tài sản của các đơn vị có tài sản công phải kê khai vào Phần mềm Quản lý tài sản công.
 - Cột 4: Với tài sản là nhà: Trường hợp không có thông tin về diện tích sàn sử dụng thì báo cáo theo diện tích sàn xây dựng.
 - Cột 2: Với tài sản là xe ô tô: Ghi theo nhãn hiệu và biển kiểm soát (Ví dụ: Toyota Camry 10A-9999).
 - Cột 7, 8, 9, 10: Hiện trạng sử dụng theo diện tích (m²) đối với tài sản là đất, nhà, đảm bảo diện tích cột (7) + (8) + (9) + (10) = (4); theo số lượng (cái, hệ thống) đối với tài sản còn lại.